

THÔNG TƯ

**Về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng
sửa trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi và giải thích việc phân loại đối với một số mặt hàng sửa tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

Điều 1. Thuế suất thuế nhập khẩu sửa

Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số nhóm mặt hàng sửa thuộc nhóm 04.02 và 19.01 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định 106/2007/QĐ-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và các văn bản sửa đổi, bổ sung thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này (Phụ lục I).

Điều 2. Hướng dẫn phân loại

Để việc áp mã và tính thuế phù hợp với Thông tư này, Bộ Tài chính hướng dẫn phân loại mặt hàng sữa bột tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

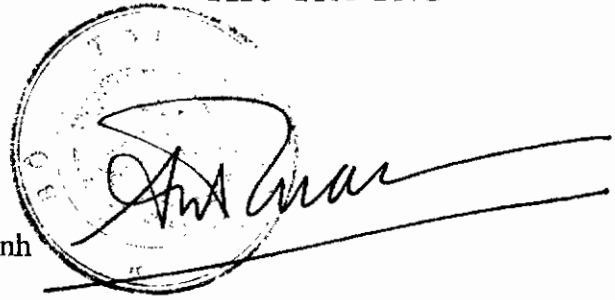
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

www.LuatVietnam.vn



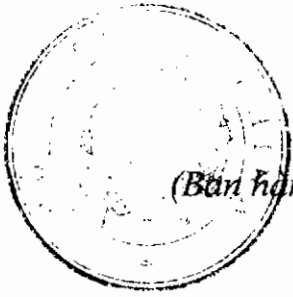
PHỤ LỤC I
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG SỮA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 162/2009/TT-BTC ngày 12/8/2009 của Bộ Tài chính)

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
04.02				Sữa và kem, cô đặc hoặc đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác.	
0402	10			- Dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác có hàm lượng chất béo không quá 1,5% tính theo trọng lượng:	
0402	10	30		- - Đóng hộp với tổng trọng lượng từ 20 kg trở lên:	
0402	10	30	10	- - - Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng bột	3
0402	10	30	20	- - - Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng khác	3
0402	10	30	90	- - - Loại khác	5
0402	10	90		- - Loại khác:	
0402	10	90	10	- - - Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng bột	3
0402	10	90	20	- - - Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng khác	3
0402	10	90	90	- - - Loại khác	5
				- Dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác có hàm lượng chất béo trên 1,5% tính theo trọng lượng:	
0402	21			- - Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác:	
0402	21	20	00	- - - Đóng hộp với tổng trọng lượng từ 20 kg trở lên	3
0402	21	90	00	- - - Loại khác	3
0402	29			- - Loại khác:	
0402	29	20	00	- - - Đóng hộp với tổng trọng lượng từ 20 kg trở lên	5
0402	29	90	00	- - - Loại khác	5
				- Loại khác:	
0402	91	00	00	- - Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	10
0402	99	00	00	- - Loại khác	20
19.01				Chiết xuất từ malt; thức ăn chế biến từ bột, tấm, bột thô, tinh bột hoặc từ chiết xuất của malt, không chứa ca cao hoặc chứa dưới 40% tính theo trọng lượng là ca cao đã khử toàn bộ chất béo, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; thức ăn chế biến từ sản phẩm thuộc các nhóm 04.01 đến 04.04, không chứa ca cao hoặc chứa dưới 5% tính theo trọng lượng là ca cao đã khử toàn bộ	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				chất béo, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	
1901	10			- Chế phẩm dùng cho trẻ em, đã được đóng gói để bán lẻ:	
1901	10	10	00	- - Làm từ chiết xuất của malt	10
1901	10	20		- - Làm từ sản phẩm thuộc các nhóm từ 04.01 đến 04.04:	
1901	10	20	10	- - - Sản phẩm dinh dưỡng y tế	5
1901	10	20	90	- - - Loại khác	5
1901	10	30	00	- - Làm từ bột đồ tương	20
1901	10	90		- - Loại khác:	
1901	10	90	10	- - - Sản phẩm dinh dưỡng y tế	5
1901	10	90	90	- - - Loại khác	10
1901	20			- Bột trộn và bột nhào để chế biến thành các loại bánh thuộc nhóm 19.05:	
1901	20	10	00	- - Làm từ bột, tấm, bột thô, tinh bột hoặc chất chiết xuất từ malt, không chứa ca cao	15
1901	20	20	00	- - Làm từ bột, tấm, bột thô, tinh bột hoặc chất chiết xuất từ malt, chứa ca cao	15
1901	20	30	00	- - Loại khác, không chứa ca cao	15
1901	20	40	00	- - Loại khác, chứa ca cao	15
1901	90			- Loại khác:	
1901	90	10		- - Thực phẩm cho trẻ em, chưa đóng gói để bán lẻ:	
1901	90	10	10	- - - Sản phẩm dinh dưỡng y tế	5
1901	90	10	90	- - - Loại khác	10
1901	90	20	00	- - Chiết xuất từ malt	10
				- - Loại khác, làm từ sản phẩm thuộc nhóm 04.01 đến 04.04:	
1901	90	31	00	- - - Có chứa sữa	5
1901	90	39		- - - Loại khác:	
1901	90	39	10	- - - - Sản phẩm dinh dưỡng y tế	5
1901	90	39	90	- - - - Loại khác	10
				- - Các chế phẩm khác từ đồ tương:	
1901	90	41	00	- - - Dạng bột	20
1901	90	49	00	- - - Dạng khác	20
1901	90	90		- - Loại khác:	
1901	90	90	10	- - - Sản phẩm dinh dưỡng y tế	5
1901	90	90	90	- - - Loại khác	15

12/8/2009



PHỤ LỤC II **HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI MẶT HÀNG SỮA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 162/2009/TT-BTC ngày 12/8/2009 của Bộ Tài chính)

1. Nhóm 0402: sữa bột nguyên kem và sữa đã tách kem một phần hoặc toàn bộ, có thể pha thêm đường hoặc chất ngọt khác. Ngoài những thành phần sữa tự nhiên, sữa thuộc nhóm này có thể chứa một lượng nhỏ chất ổn định (như phốt phát disodique, citrat trisodique và clorua canxi) hoặc lượng rất nhỏ tác nhân chất chống ô xi hoá, chất chống đóng bánh (như phốt pho lipid, đioxit silic không định hình) hoặc bổ sung thêm vitamin (các thành phần thêm như vitamin, khoáng chất là chất có sẵn trong sữa tự nhiên), hay có thể chứa lượng nhỏ các chất hoá học như cacbonat natri) cần thiết trong chế biến và cũng có thể thêm một lượng nhỏ tinh bột để giữ sữa ở trạng thái vật lý bình thường (không quá 5% trọng lượng).

2. Nhóm 1901: thức ăn chế biến từ sản phẩm thuộc các nhóm từ 0401 đến 0404, không chứa cacao hoặc chứa dưới 5% trọng lượng là cacao đã khử toàn bộ chất béo. Sản phẩm từ sữa thuộc nhóm này đảm bảo một trong các tiêu chí:

a. Có hàm lượng tinh bột trên 5%;

b. Có pha thêm các thành phần khác ngoài các thành phần có trong sữa tự nhiên (như chất béo oleic, dầu thực vật, chất thay thế chất béo sữa, nấm men...).

3. Sản phẩm dinh dưỡng y tế (MF) chứa sữa thuộc nhóm 19.01 khác biệt với các sản phẩm sữa khác nhóm này ở chỗ được sử dụng cho mục đích dinh dưỡng đặc biệt hay là loại thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt, đáp ứng yêu cầu sức khoẻ (ví dụ: cho bệnh nhân ung thư), đòi hỏi được sử dụng dưới sự giám sát y tế. Bên cạnh đó, các sản phẩm chỉ chứa thành phần dinh dưỡng giúp cho việc điều trị các thể trạng bệnh đặc biệt được qui định trong Luật hiện hành về thuốc như đối với các chế phẩm dinh dưỡng có thể truyền được. Nói chung, sản phẩm sữa được xem như một loại sản phẩm dinh dưỡng y tế tối thiểu phải đáp ứng các tiêu chí:

a. Là một loại thực phẩm ăn qua đường miệng hoặc ống thông;

b. Được gắn nhãn chỉ rõ để điều chỉnh dinh dưỡng trong các chế độ, các bệnh hoặc các chứng rối loạn y khoa;

c. Được gắn nhãn chỉ rõ việc sử dụng dưới sự giám sát y tế.